|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH PHÚ THỌ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2025/NQ-HĐND | *Phú Thọ, ngày tháng năm 2025* |
| DỰ THẢO |  |

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

*Căn cứ* Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ* Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 2 năm 2025 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số*[*163/2016/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/nghi-dinh-163-2016-nd-cp-huong-dan-luat-ngan-sach-nha-nuoc-335331.aspx)*ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 65/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-KTNS ngày tháng năm 2025 của Ban Kinh tế Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 2. Nội dung và mức chi làm căn cứ lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, định mức chi thù lao đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ như sau:

- Chủ nhiệm nhiệm vụ: 40 triệu đồng/người/tháng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; 32 triệu đồng/người/tháng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

- Đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ.

Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, trong đó định mức thù lao thực hiện nhiệm vụ theo tháng của chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ (DMCN) thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có): theo mức tiền lương tối thiểu vùng tại vùng thực hiện nhiệm vụ tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 22 ngày).

2. Chi thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu (chỉ áp dụng đối với đề tài khoa học cấp tỉnh)

a) Chi thuê chuyên gia trong nước: áp dụng theo điểm a Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

b) Chi thuê chuyên gia ngoài nước: áp dụng theo điểm b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

3. Chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học

| **STT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh**  **(ĐVT: đồng)** | **Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở**  **(ĐVT: đồng)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Người chủ trì | Người/ buổi | 2.000.000 | 1.600.000 |
| 2 | Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học | Người/ buổi | 500.000 | 400.000 |
| 3 | Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học | Báo cáo | 3.000.000 | 2.400.000 |
| 4 | Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo | Báo cáo | 1.500.000 | 1.200.000 |
| 5 | Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học | Người/ buổi | 300.000 | 240.000 |

4. Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 300.000.000 đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và tối đa không quá 240.000.000 đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

**Điều 3. Nội dung và mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Chi tiền thù lao hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung công việc** | **Đơn vị tính** | **Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (ĐVT: đồng)** | **Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (ĐVT: đồng)** |
| **1** | **Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ** |  |  |  |
| a | Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ | Hội đồng |  |  |
|  | Chủ tịch hội đồng |  | 1.500.000 | 1.200.000 |
|  | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng |  | 1.000.000 | 800.000 |
|  | Thư ký khoa học |  | 300.000 | 240.000 |
|  | Thư ký hành chính |  | 300.000 | 240.000 |
|  | Đại biểu được mời tham dự |  | 200.000 | 160.000 |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá |  |  |
|  | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng |  | 500.000 | 400.000 |
|  | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng |  | 700.000 | 560.000 |
| c | Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện | Nhiệm vụ |  |  |
|  | Chủ tịch hội đồng |  | 700.000 | 560.000 |
|  | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng |  | 500.000 | 400.000 |
| **2** | **Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ** |  |  |  |
| a | Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ | Hội đồng |  |  |
|  | Chủ tịch Hội đồng |  | 1.800.000 | 1.440.000 |
|  | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên Hội đồng |  | 1.500.000 | 1.200.000 |
|  | Thư ký khoa học |  | 300.000 | 240.000 |
|  | Thư ký hành chính |  | 300.000 | 240.000 |
|  | Đại biểu được mời tham dự |  | 200.000 | 160.000 |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá |  |  |
|  | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng |  | 700.000 | 560.000 |
|  | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng |  | 1.000.000 | 800.000 |
| **3** | **Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ** |  |  |  |
| a | Chi họp Hội đồng nghiệm thu | Nhiệm vụ |  |  |
|  | Chủ tịch hội đồng |  | 1.800.000 | 1.440.000 |
|  | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng |  | 1.500.000 | 1.200.000 |
|  | Thư ký khoa học |  | 300.000 | 240.000 |
|  | Thư ký hành chính |  | 300.000 | 240.000 |
|  | Đại biểu được mời tham dự |  | 200.000 | 160.000 |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá |  |  |
|  | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng |  | 700.000 | 560.000 |
|  | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng |  | 1.000.000 | 800.000 |
| **4** | **Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng (áp dụng đối với nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh).** | **Chuyên gia** | **1.500.000** |  |

2. Chi tiền thù lao hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung công việc** | **Đơn vị tính** | **Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (ĐVT: đồng)** | **Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (ĐVT: đồng)** |
| 1 | Tổ trưởng tổ thẩm định | Nhiệm vụ | 1.000.000 | 800.000 |
| 2 | Thành viên tổ thẩm định | Nhiệm vụ | 700.000 | 560.000 |
| 3 | Thư ký hành chính | Nhiệm vụ | 300.000 | 240.000 |
| 4 | Đại biểu được mời tham dự | Nhiệm vụ | 200.000 | 160.000 |

**Điều 4. Nội dung và mức chi khác**

Các nội dung và mức chi không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Điều 5.** **Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, Hoà Bình, Vĩnh Phúc (trước sáp nhập) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

**Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 7. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày....tháng....năm 2025.

2. Các nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

b) Nghị quyết số 470/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh tỉnh Hòa Bình quy định nội dung và mức chi kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình;

c) Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh tỉnh Vĩnh Phúc quy định nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ Khóa ...., Kỳ họp thứ ..... thông qua ngày tháng   năm 2025 và có hiệu lực từ ngày …. tháng … năm 2025./.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - UBTVQH, Chính phủ; - VPQH, VPCP;  - Các Bộ: Tài chính, KH&CN; - Cục KTVB&QLXLVPHC (Bộ Tư pháp); - Vụ pháp chế (Bộ Tài chính);  - Cổng TTĐT Chính phủ; - TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh; - Đoàn ĐBQH tỉnh; - TAND, VKSND tỉnh; THADS tỉnh; - Các đại biểu HĐND tỉnh;  - Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; - TTHĐND, UBND các xã, phường; - CVP, các PCVP;  - Cổng thông tin điện tử tỉnh;  - TT tin học và công báo (VP UBND tỉnh); - Lưu: VT, Phòng CTHĐ. | **CHỦ TỊCH**  **Bùi Văn Quang** |